



TỔNG CÔNG TY VIWASEEN
CTY CP ĐẦU TƯ & XD CTN
ĐC: Số 10 Phố Quang, Q.Tân Bình
☎: 08-8475166 – Fax: 84-8-8475161

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 305/CT/TCKT

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2016

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu giữa
báo cáo trước kiểm toán và sau kiểm toán
báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội.
- Thông tư số 155/2015/TT- BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính “v/v: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán”
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước, mã chứng khoán : VSI xin giải trình chênh lệch số liệu giữa báo cáo trước kiểm toán và sau kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 (*đính kèm thuyết minh chi tiết*)
- Nay Công ty Cổ phần Đầu tư & XD cấp thoát nước gửi văn bản này tới Quý Cơ quan và các Nhà đầu tư để giải trình lý do trên.
- Xin trân trọng cảm ơn !

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & XD CẤP THOÁT NƯỚC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Hùng

Nơi nhận:

+ Như trên.

+ Lưu: PTCT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH CHÉNH LỆCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm theo báo cáo kiểm toán	Số cuối kỳ theo báo cáo trước kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VIII.1	619,967,661,879	793,534,343,826	173,566,681,947	Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT/BTC, trên báo cáo KQHĐSXKD phân ánh doanh thu tương ứng được hương trong hợp đồng BCC, theo đó WASECO chỉ ghi nhận doanh thu dự án Waseco theo tỷ lệ sở hữu là 55%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
(10=01-02)	10		619,967,661,879	793,534,343,826	173,566,681,947	
4. Giá vốn hàng bán	11	VIII.2	488,380,230,025	661,514,257,624	173,134,027,599	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131,587,431,854	132,020,086,202	432,654,348	Giá vốn giảm tương ứng doanh thu
(20=10-11)						
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VIII.3	837,300,753	674,730,968	(162,569,785)	Điều chỉnh lãi nhập vốn tiền gửi có kì hạn
7. Chi phí tài chính	22	VIII.4	4,722,618,788	15,974,760,992	11,252,142,204	Giảm do khoan trích dự phòng đầu tư vào Công ty Địa Lợi - không đủ điều kiện trích lập theo TT 89/2013)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,357,578,280	3,357,578,280	-	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7a	773,213,384	773,213,384	-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7b	59,204,859,398	54,442,006,765	(4,762,852,633)	Điều chỉnh tăng trích lập dự phòng công nợ Công ty Đông Phương (đơn vị đã trích 60%, trích thêm 10% nữa)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

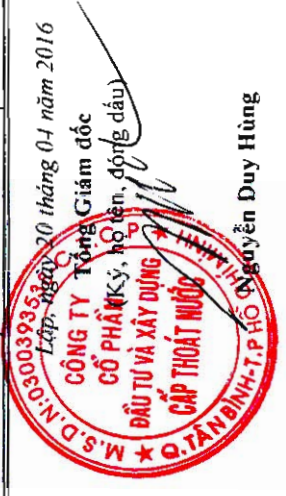
THUYẾT MINH CHÉNH LỆCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm theo báo cáo kiểm toán	Số cuối năm theo báo cáo trước kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân điều chỉnh
			4	5	6	7
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
1. Tiền	110	VI.1	55,277,827,507	55,258,685,774	(19,141,733)	
1.1	111		30,669,383,774	30,669,383,774		
2. Các khoản tương đương tiền	112		24,608,443,733	24,589,302,000	(19,141,733)	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn						
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	120	VI.2a	70,000,000,000	70,000,000,000		
123			70,000,000,000	70,000,000,000		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	130	VI.3	132,502,963,964	116,770,553,335	15,732,410,629	
131			83,947,855,124	83,947,855,124		
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	59,967,567,003	59,967,567,003		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5	25,508,337,007	4,989,126,378		Điều chỉnh lại khoản "TSNH khác" (tạm ứng + kỳ quỹ) lên "Phải thu khác" theo Thông tư 200/2014/TT/BTC
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.6	(36,920,795,170)	(32,133,995,170)	4,786,800,000	Điều chỉnh tăng trích lập dự phòng công nợ Công ty Đồng Phụng (đã trích 60%, trích bổ sung thêm 10%)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139					
IV. Hàng tồn kho						
1. Hàng tồn kho	140	VI.7	20,395,220,533	20,395,220,533		
141			20,395,220,533	20,395,220,533		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149					
V. Tài sản ngắn hạn khác						
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	150	VI.12a	782,424,984	21,301,635,613	(20,519,210,629)	
151			782,424,984	782,424,984	(20,519,210,629)	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152					

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm theo báo cáo kiểm toán	Số cuối năm theo báo cáo trước kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân điều chỉnh
	2	3	4	5	6	7
3. Tài sản ngắn hạn khác						
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		132,859,079,472	117,823,619,416	(20,519,210,629)	Điều chỉnh lại khoản "TSNH khác" (tạm ứng + kỳ quỹ) lên "Phải thu khác" theo Thông tư 200/2014/TT/BTC
I- Các khoản phải thu dài hạn	210					
II. Tài sản cố định	220		13,082,411,924	17,582,690,830	4,500,278,906	Điều chỉnh lại tài sản cố định hữu hình và Bất động sản đầu tư theo quy định Thông Tư 200/2014/TT/BTC
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	10,961,411,924	15,461,690,830	4,500,278,906	
- Nguyên giá	222		43,184,335,473	40,433,599,896		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32,222,923,549)	(24,971,909,066)		
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	2,121,000,000	2,121,000,000		
- Nguyên giá	228		3,150,000,000	3,150,000,000		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,029,000,000)	(1,029,000,000)		
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.11	71,538,739,445	67,038,460,539	(4,500,278,906)	Điều chỉnh lại tài sản cố định hữu hình và Bất động sản đầu tư theo quy định Thông Tư 200/2014/TT/BTC
- Nguyên giá	231		113,431,501,845	116,182,237,422		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(41,892,762,400)	(49,143,776,883)		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	35,188,845,438	31,549,052,467	(3,639,792,971)	Điều chỉnh hạch toán tiền góp vốn dự án Quận 9 vào phải trả khác
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241					
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35,188,845,438	31,549,052,467		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2b	3,267,643,111	(8,127,927,145)	(11,395,570,256)	Hủy khoản trích dự phòng đầu tư vào Công ty Địa Lợi - không đủ điều kiện trích lập theo TT 89/2013)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4,487,946,475	4,487,946,475		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,220,303,364)	(12,615,873,620)	(11,395,570,256)	

Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm theo báo cáo kiểm toán	Số cuối năm theo báo cáo trước kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân điều chỉnh
2	3	4	5	6	7
TÀI SẢN					
I					
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)					
I. Vốn chủ sở hữu					
410	V1.23	192,020,467,139	200,605,433,565	8,584,966,426	
411		192,006,558,891	200,591,525,317	8,584,966,426	
411a		132,000,000,000	132,000,000,000		
411b					
412		9,639,328,147	9,639,328,147		
413					
414		3,952,000,000	3,952,000,000		
415		(30,000)	(30,000)		
416					
417					
418		15,875,906,561	15,875,906,561		
419					
420					
421		30,008,958,595	38,554,460,298	8,545,501,703	Do tính lại chi phí thuế TNDN của DA Waseco Plaza dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm
421a		(4,125,832)			
421b		30,013,084,427			
422		530,395,588	569,860,311	39,464,723	
429		13,908,248	13,908,248		
430		13,908,248	13,908,248		
431					
432					
440		411,817,516,460	401,549,714,671		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)					



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn